

[Draft contract]

**THE CONTRACT
FOR
CUSTOMS BROKERAGE SERVICES**

**HỢP ĐỒNG
CHO
DỊCH VỤ ĐẠI LÝ HẢI QUAN**

Between

Giữa

Vung Ang II Thermal Power Limited Liability Company

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nhiệt điện Vũng Áng II

And

Và

XXXXXXXXXXXXXXXXXX

XXXXXXXXXXXXXXXXXX

Document Number/ Số Tài liệu: GAC-CON-500XX

Document Date/ Ngày ký Tài liệu: XX XXX, 2026

TABLE OF CONTENTS/ MỤC LỤC

WHEREAS:.....	4
ARTICLE 1. DEFINITIONS AND INTERPRETATION	4
ARTICLE 2. CONTRACT CONTENT AND VALUE	7
ARTICLE 3. PAYMENT	13
ARTICLE 4. RIGHTS AND RESPONSIBILITIES OF PARTIES.....	15
ARTICLE 5. FORCE MAJEURE	18
ARTICLE 6. INDEMNIFICATION	20
ARTICLE 7. DURATION AND TERMINATION OF THE CONTRACT	22
ARTICLE 8. REPRESENTATIONS AND WARRANTIES	24
ARTICLE 9. CONFIDENTIALITY	25
ARTICLE 10. NOTICE	26
ARTICLE 11. MISCELLANEOUS	28

THIS SERVICE CONTRACT (this “**Contract**”) is made and entered into on xx xx, 2026, by and between the Parties as below:

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ NÀY (“Hợp Đồng” này) được lập và ký kết vào ngày xx tháng xx năm 2026, bởi và giữa các Bên có tên dưới đây:

Party A: VUNG ANG II THERMAL POWER LLC (VAPCO)

Bên A: CÔNG TY TNHH NHIỆT ĐIỆN VŨNG ÁNG II (VAPCO).

Address : Vung Ang economic zone, Vung Ang ward, Ha Tinh province, Vietnam.

Địa chỉ : Khu kinh tế Vũng Áng, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

Telephone/Điện thoại : 023 9385 8882

Tax code/MST : 3000420169

Representative : Mr. Go Fukushima - Position: General Director

Người đại diện : Ông Go Fukushima - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

And /Và

Party B: XXXXXXXXXXXXXXXXXXXX

Bên B : XXXXXXXXXXXXXXXXXXXX

Address : xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx.

Địa chỉ : xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx.

Telephone/Điện thoại : xxxxxxxxxxxxxxxx

Tax code/MST : xxxxxxxxxxxxxxxx

Bank account No : xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx.

Tài khoản số : xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx.

Representative : xxxxxxxxxxxxxxxxxxxx - Position: xxxxxxxxxxxx

Người đại diện : Bà xxxxxxxxxxxxxxxxxxxx - Chức vụ: xxxxxxxxxxxx

Party A and Party B are hereinafter collectively referred to as the “Parties”, and individually as the “Party”.

Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là “Các Bên”, và gọi riêng là “Bên”.

WHEREAS:

XÉT RÀNG:

- Party A wishes to receive services from Party B, and Party B agrees to provide customs brokerage services to/for Party A in accordance with the terms and conditions set out herein; and

Bên A đồng ý để nhận dịch vụ từ Bên B, và Bên B đồng ý để cung cấp dịch vụ đại lý Hải quan cho Bên A theo như điều khoản và điều kiện dưới đây; và

- Party A and Party B are desirous of entering into this Contract to set out the terms and conditions for the supply of customs brokerage services above.

Bên A và Bên B mong muốn ký kết hợp đồng này để thiết lập các điều khoản và điều kiện cho việc cung cấp dịch vụ đại lý Hải quan ở trên.

NOW, THEREFORE, the Parties hereby agree to enter this Contract with the following terms and conditions:

NAY, DO VẬY, Các Bên thống nhất ký kết Hợp Đồng này với các điều khoản và điều kiện như sau:

ARTICLE 1. DEFINITIONS AND INTERPRETATION

ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

In the Contract, the following words and phrases are construed as follows unless otherwise specified in this Contract.

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau, trừ khi được quy định khác đi trong Hợp Đồng này:

- “**Day**” means a calendar day and “**Month**” means a calendar month.
“**Ngày**” được hiểu là ngày dương lịch và “**Tháng**” được hiểu là tháng dương lịch.

- **"Business Day"** or means a calendar day, except for Saturdays, Sundays, public holidays, and New Year holidays according to the provisions of Vietnamese laws.
"Ngày Làm Việc" là ngày dương lịch, trừ ngày thứ 7, ngày Chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- **"Laws"** means the entire legal system of the Socialist Republic of Vietnam.
"Pháp Luật" là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- **"Customs Authorities"** means the Vung Ang Border Customs Authorities, Ha Tinh Customs Authorities, Viet Nam Customs Authorities.
"Cơ Quan Hải Quan" có nghĩa là Hải quan cửa khẩu Vũng Áng, Hải quan Hà Tĩnh, Hải quan Việt Nam.
- **"Related Authorities"** means other authorities, except for Customs Authorities, have the state management of Party A coal import procedure.
"Cơ Quan Chức Năng Liên Quan" là những đơn vị có chức năng quản lý nhà nước khác ngoài Hải quan liên quan đến thủ tục nhập khẩu than của Bên A.
- **"Force Majeure Event"** means any event that occurs objectively, unpredictably, beyond the reasonable control of the Parties and is unable to be remedied despite all necessary measures having been applied and all the permitted capabilities having been used by the Parties. Subject to the above conditions, Force Majeure Event as defined in this Contract includes, but not limited to, earthquakes, diseases, inundation, floods, storms, thunder, or any severe weather event/acts of God; fire, explosion; strike, labour dispute, lockouts; shortage of materials/power/transportation or other events due to failure of suppliers of goods or services, insurrection, vandalism, riot, war or other social disorder (whether declared or not), blockage/semi-blockage, embargo, any publication, enactment, changes in policies or legal documents of a competent authority or any similar events that disrupt, interfere or prevent the performance of, the obligation of a Party and/or the Parties arising from this Contract, except for the cases where such event is the direct or indirect result of a breach or failure by the affected Party to perform any of its obligations under this Contract.

“Sự kiện bất khả kháng” có nghĩa là bất kỳ sự kiện nào xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước, nằm ngoài sự kiểm soát hợp lý của các Bên và không thể khắc phục được mặc dù các bên đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và mọi khả năng cho phép. Phụ thuộc vào những điều kiện trên, Sự Kiện Bất Khả Kháng được định nghĩa trong Hợp Đồng này bao gồm, nhưng không giới hạn bởi động đất, dịch bệnh, bão lũ, sấm sét, hoặc các trường hợp thời tiết khắc nghiệt, thiên tai khác; hỏa hoạn, cháy nổ; đình công, đóng cửa nhà máy hoặc xung đột khác về lao động, thiếu hụt nguyên vật liệu/năng lượng/phương tiện chuyên chở hoặc các trường hợp khác do lỗi của các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ, nổi loạn, phá hoại, bạo động, chiến tranh hoặc các rối loạn xã hội khác (dù công bố hay không công bố); phong tỏa/bán phong tỏa, cấm vận; bất kỳ việc công bố, ban hành, thay đổi chính sách, Pháp Luật của cơ quan thẩm quyền hoặc bất kỳ trường hợp tương tự nào khác làm gián đoạn, gây trở ngại hoặc ngăn cản việc thực hiện nghĩa vụ của một Bên và/hoặc Các Bên phát sinh từ Hợp Đồng này cũng như việc thực hiện Hợp Đồng này, ngoại trừ trường hợp sự kiện đó là kết quả trực tiếp hoặc gián tiếp của vi phạm hoặc việc không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào bởi Bên bị ảnh hưởng theo Hợp Đồng này.

- Provisions including the words “agree”, “agreed”, or “agreement” require the agreement to be recorded in writing;

Các điều khoản bao gồm từ “đồng ý”, “được đồng ý”, hoặc “sự đồng ý” cần có sự đồng ý được ghi nhận bằng văn bản;

- “Includes”, in any form, is not a form of limitation;

“Bao gồm”, dưới bất kỳ hình thức nào, không phải là một hình thức giới hạn;

- Reference to a Party includes that Party’s executors, administrators, successors and permitted assigns, including persons taking by way of novation;

Dẫn chiếu đến một Bên bao gồm người thực thi, người quản lý, các bên kế nhiệm và các bên nhận chuyển nhượng được phép của Bên đó, bao gồm cả các chủ thể tiếp nhận bằng cách thay thế bên ký kết hợp đồng;

- Reference to day(s) means calendar day(s); and

Dẫn chiếu đến (các) ngày có nghĩa là (các) ngày theo dương lịch; và

- All references to the singular shall be deemed to include the plural, and all references to the plural shall be deemed to include the singular.

Tất cả các dẫn chiếu đến số ít được coi là bao gồm cả số nhiều, và tất cả các dẫn chiếu đến số nhiều được coi là bao gồm cả số ít.

ARTICLE 2. CONTRACT CONTENT AND VALUE

ĐIỀU 2. NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

2.1. Scope of service/ Phạm vi dịch vụ:

2.1.1. The Customs Broker must prepare and check all documents related to customs clearance in Vietnam of Party A imported coal and will immediately advise Party A about potential issues related to the customs clearance process.

Đại lý Hải quan phải chuẩn bị và kiểm tra tất cả các giấy tờ liên quan đến thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật Việt Nam đối với than nhập khẩu của Bên A và sẽ ngay lập tức tư vấn cho Bên A nếu có bất kỳ vấn đề nào liên quan đến quy trình làm thủ tục hải quan.

2.1.2. The Customs Broker shall be obligated to, on behalf of Party A, prepare and submit import customs declarations, use Party A's digital signature to declare and transmit all required data to the Vietnam Automated Cargo Clearance System (VNACCS), and duly complete, sign, and affix its seal to all customs declaration dossiers on behalf of Party A. Upon request by Party A, the Customs Broker shall perform the foregoing obligations outside normal working hours, including weekends and public holidays, in urgent cases requiring immediate customs declaration and cargo release, and shall not be entitled to claim any additional fees or charges from Party A in connection therewith.

Đại lý Hải quan có trách nhiệm, thay mặt Bên A, thực hiện việc khai báo tờ khai nhập khẩu; sử dụng chữ ký số của Bên A để khai báo và truyền các dữ liệu cần thiết lên Hệ thống thông quan hàng hóa tự động (VNACCS); đồng thời hoàn thiện, ký và đóng dấu hồ sơ khai báo thay mặt Bên A. Theo yêu cầu của Bên A, Đại lý Hải quan phải thực hiện các công việc nêu trên ngoài giờ hành chính, bao gồm cả cuối tuần và các ngày lễ, trong các

trường hợp cần khai hải quan và giải phóng hàng hóa khẩn cấp, mà không phát sinh thêm bất kỳ chi phí nào cho Bên A.2.1.3. The Customs Broker must correct or amend the Customs declaration sheets on behalf of Party A if needed and with the agreement of Party A.

Đại lý Hải quan phải tiến hành khai điều chỉnh hoặc khai bổ sung tờ khai thay mặt cho Bên A nếu cần thiết và được sự đồng ý của Bên A.

2.1.4. The Customs Broker shall work with Customs Authorities and related Authorities to complete customs clearance as soon as possible, and in particular:

Đại lý Hải quan làm việc với các Cơ quan Hải quan, các Cơ quan chức năng có liên quan để hoàn thành thủ tục hải quan sớm nhất có thể, cụ thể:

a) Submit and present the customs dossiers if the customs declaration sheet is classed as the yellow channel.

Nộp, xuất trình hồ sơ hải quan nếu Tờ khai hải quan thuộc luồng vàng.

b) Provide required documents and work with Customs Authorities when the customs declaration sheet is classed as the red channel.

Cung cấp tài liệu và làm việc với Cơ quan Hải quan nếu Tờ khai thuộc luồng đỏ.

2.1.5. The Customs Broker must prepare and send a daily report to Party A during the coal importation process and/or at any time required by Party A under a report format agreed by Party A.

Đại lý Hải quan báo cáo hàng ngày cho Bên A trong quá trình làm thủ tục khai hải quan để nhập khẩu than và/hoặc bất cứ khi nào được yêu cầu bởi Bên A với mẫu báo cáo đã đồng ý bởi Bên A.

2.1.6. The Customs Broker shall, on behalf of Party A, submit necessary reports to the Customs Authorities and Related Authorities; send complaints, requests to solve problems, or requests to amend decisions of the Customs Offices in respect of consignments of imported coal in accordance with regulations.

Đại lý Hải quan thay mặt Bên A, nộp báo cáo cho Cơ quan Hải quan và/hoặc các Cơ quan chức năng liên quan khi cần thiết; gửi khiếu nại, yêu cầu giải quyết hoặc đề nghị sửa đổi quyết định của Hải quan với lô hàng nhập khẩu than theo quy định.

2.1.7. The Customs Broker is responsible for arranging and overseeing all Customs Authorities audits. Additionally, they are responsible for representing Party A in dealing with Customs Authorities during post-clearance inspections or other inspections conducted at Party A's premises.

Đại lý Hải quan chịu trách nhiệm sắp xếp và thực hiện tất cả các cuộc kiểm tra của cơ quan hải quan. Ngoài ra, Đại lý Hải quan còn chịu trách nhiệm đại diện cho Bên A làm việc với Cơ quan Hải quan trong các cuộc kiểm tra sau thông quan hoặc các cuộc kiểm tra khác được thực hiện tại cơ sở của Bên A.

2.1.8. Manage and handle any fines imposed by customs authorities, represent Party A in negotiations and discussions with customs authorities related to fines, and take full responsibility for any fines that occur if the fault lies with the Customs Broker.

Đại lý Hải quan quản lý và xử lý bất kỳ khoản tiền phạt nào do cơ quan hải quan và các cơ quan liên quan khác phạt Bên A, đại diện cho Bên A trong các cuộc đàm phán và thảo luận với cơ quan hải quan và các cơ quan liên quan khác liên quan đến các khoản phạt từ cơ quan đó, và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền phạt nào xảy ra nếu lỗi thuộc về Đại lý Hải quan.

2.1.9. The Customs Broker, on behalf of Party A, shall liaise with the Customs Authorities and all relevant competent authorities, and shall be obligated to duly, accurately, and timely complete all customs procedures and obtain all necessary import permits in accordance with applicable laws and requirements of the competent authorities. The Customs Broker shall ensure that the imported coal shipments are cleared in accordance with the required schedule and shall bear full responsibility for any delays, deficiencies, or violations arising from its failure or improper performance of the foregoing obligations.

Đại lý Hải quan thay mặt Bên A làm việc với Cơ quan Hải quan và các cơ quan chức năng có liên quan, có nghĩa vụ hoàn thành đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn các thủ tục hải

quan, đồng thời xin cấp các giấy phép nhập khẩu cần thiết theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm việc thông quan các lô hàng than nhập khẩu đúng tiến độ. Đại lý Hải quan chịu trách nhiệm đối với mọi chậm trễ, thiếu sót hoặc vi phạm phát sinh do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ nêu trên.

2.1.10. The Customs Broker must assist Party A in maintaining good relationships and work with Customs Authorities and Related Authorities (if needed) about the importation of Party A coal.

Đại lý Hải quan phải hỗ trợ Bên A trong quá trình làm việc, thiết lập và để giữ mối quan hệ tốt Cơ quan Hải quan, các Cơ quan chức năng liên quan (nếu cần thiết) liên quan đến việc nhập khẩu than của Bên A.

2.1.11. The Customs Broker must update and advise Party A about any change or update in the laws, including new regulations, update or amend existing regulations related to coal import activities of Party A.

Đại lý Hải quan sẽ cập nhật và tư vấn cho Bên A bất kỳ thay đổi hoặc cập nhật liên quan đến luật pháp, bao gồm những quy định mới, cập nhật hoặc sửa đổi những quy định cũ liên quan đến Bên A trong hoạt động nhập khẩu than.

2.1.12. The Customs Broker must assist Party A in the calculation of taxes and duties applicable to coal importation which are imposed on Party A. They will also make payments on behalf of Party A on reimbursement basis (except for Import VAT Tax). These payments on half will not exceed USD 1,000 or VND 26,000,000 and assist in claiming any refunds of taxes and duties that Party A is entitled to.

Đại lý Hải quan phải hỗ trợ Bên A trong việc tính toán các loại thuế phí áp dụng cho việc nhập khẩu than mà Bên A phải nộp, cũng như thực hiện một số khoản thanh toán thay mặt cho Bên A nếu có thể (ngoại trừ Thuế Nhập khẩu và Thuế GTGT). Các khoản nộp hộ này sẽ không vượt quá 1,000 đô la Mỹ hoặc 26,000,000 đồng và hỗ trợ trong việc yêu cầu hoàn lại bất kỳ khoản thuế và phí mà Bên A được hưởng.

2.1.13. Other scopes of works as stipulated in Vietnamese law regulations related to

imported coal or other works as updated time by time and agreed by the Parties.

Các công việc khác theo quy định của pháp luật liên quan đến việc nhập khẩu than hoặc các công việc khác được cập nhật thường xuyên khi được đồng ý bởi 2 bên.

2.1.14. The Customs Broker shall be held fully responsible for any fines or penalties imposed on Party A by Customs Authorities or other Governmental Agency's decisions due to the fault, wrongdoing or negligence of the Customs Broker.

Đại lý Hải quan sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ khoản phạt/ hình phạt nào mà Bên A phải chịu từ các quyết định của Hải quan hay các cơ quan chức năng khác do các lỗi, hành vi sai trái hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm của Đại lý Hải quan.

2.1.15. The Customs Broker shall be obligated to duly and timely register and obtain all relevant permits, approvals, and decisions from the competent authorities as required by Party A (if any) and/or as required by the customs authorities, the laws of Vietnam in general, and the applicable customs laws and regulations in particular. The Customs Broker shall be responsible for ensuring that such permits, approvals, and decisions remain valid and fully satisfy all conditions necessary for customs declaration and clearance of the goods (coal) in accordance with the required schedule and timeline; and shall bear full responsibility for any delays, deficiencies, or violations arising from its failure or improper performance of the foregoing obligations.

Đại lý hải quan có nghĩa vụ đăng ký và xin cấp đầy đủ, kịp thời các giấy phép, chấp thuận, quyết định liên quan từ cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu của Bên A (nếu có) và/hoặc theo quy định của cơ quan hải quan, pháp luật Việt Nam và các quy định pháp luật, quy định hải quan có liên quan. Đại lý hải quan chịu trách nhiệm bảo đảm các giấy phép, chấp thuận, quyết định nêu trên có hiệu lực và đáp ứng đầy đủ điều kiện phục vụ việc khai báo hải quan, thông quan hàng hóa (than) đúng tiến độ, thời hạn theo yêu cầu; đồng thời chịu mọi trách nhiệm đối với các chậm trễ, thiếu sót hoặc vi phạm phát sinh do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ nêu trên.

2.1.15. The Customs Broker shall be responsible for liaising with the relevant customs authorities and for duly and timely carrying out, handling, and processing all “get-in” and

“get-out” declaration procedures on the ECUS-PORT system as required by Party A (if any), and shall bear full responsibility for any delays, errors, or non-compliance arising from such activities.

Đại lý hải quan có trách nhiệm liên hệ với cơ quan hải quan có liên quan và thực hiện đầy đủ, kịp thời việc xử lý các nghiệp vụ khai báo “get-in”, “get-out” trên hệ thống ECUS-PORT theo yêu cầu của Bên A (nếu có); đồng thời chịu trách nhiệm đối với mọi chậm trễ, sai sót hoặc vi phạm phát sinh từ việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ nêu trên.

2.2. Personnel / Nhân sự

2.2.1. Party B must ensure that its personnel/ employee is eligible with appropriate experience and qualifications to implement this Contract as required by laws. Party B must have an operation branch office in Ky Anh town to carry out their obligations under this Contract. Party A has the right to require Party B to replace any personnel/employee who is unqualified or unsuitable to perform the tasks under this Contract.

Bên B đảm bảo toàn bộ nhân sự/ nhân viên của mình đủ năng lực, kinh nghiệm và bằng cấp phù hợp theo quy định của pháp luật để thực hiện các công việc của Bên B quy định tại Hợp đồng này. Bên B phải có văn phòng làm việc tại thị xã Kỳ Anh để thuận tiện trong quá trình làm việc với Bên A và Cơ quan Hải quan theo quy định tại Hợp đồng này. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế những nhân sự/ nhân viên không có đủ bằng cấp, năng lực không phù hợp để thực hiện công việc theo như Hợp đồng này.

2.2.2. Party B represents and warrants that Party B and its employees have all valid licenses and permits required under the laws to perform this Contract.

Bên B cam kết và đảm bảo rằng Bên B và các nhân viên của bên B có đầy đủ giấy phép và bằng cấp hợp pháp theo yêu cầu của pháp luật để thực hiện các công việc theo quy định tại Hợp đồng này.

2.3. Contract Value / Giá trị hợp đồng:

No. Số	Description of service Mô tả của dịch vụ	Unit Đơn vị	Volume Khối lượng	Price Giá (VND)	Total price Thành tiền (VND)
1	To be update	To be update	To be update	To be update	To be update
Total exclusive of VAT Tổng Giá trị chưa bao gồm VAT					

The contract value (service fee) is inclusive of all other taxes, fees, and expenses related to the service fees as required for customs clearance services; exclusive of VAT; exclusive of taxes and fees for Coal importation (Import tax; VAT tax; environment tax....)

Giá trị Hợp đồng (phí dịch vụ) đã bao gồm các loại thuế, phí và chi phí liên quan đến phí dịch vụ theo quy định về dịch vụ thông quan; không bao gồm Thuế GTGT; không bao gồm các loại thuế, phí nhập khẩu Than (Thuế nhập khẩu; thuế GTGT; thuế bảo vệ môi trường...).

The price covers the Services as described in the Article 2 of this Contract.

Giá trên bao gồm toàn bộ các Dịch vụ theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

ARTICLE 3. PAYMENT

ĐIỀU 3. THANH TOÁN

3.1. Method of Payment/ Hình thức thanh toán:

Party A shall pay Party B in Vietnamese Dong by telegraphic transfer remittance to Party B's bank account.

Bên A thanh toán cho Bên B bằng đồng Việt Nam theo phương thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B.

3.2. Time of Payment/Thời gian thanh toán:

It shall be monthly payments for any fully and successfully imported shipment of Party's A coal within a considered month.

Việc thanh toán sẽ được thực hiện hàng tháng cho các lô than nhập khẩu thành công trong tháng.

Each payment shall be made in three (03) steps as follows:

Từng lần thanh toán được chia thành ba (03) bước như sau:

- Step 1: Party B shall send a draft invoice including VAT and all supporting documents to Party A within five (05) days after the end of the month.

Bước 1: Bên B sẽ gửi cho bên A hóa đơn nhập bao gồm thuế VAT cùng các chứng từ liên quan đi kèm trong vòng năm (05) ngày sau ngày cuối cùng của tháng.

- Step 2: Party A shall check and confirm to Party B the draft invoice including VAT and related documents within seven (07) days after receiving it from Party B. After being checked by Party A, if there is no error found by Party A, Party A shall inform Party B to issue the final invoice within seven (07) days. If there are any errors in the final invoice or related documents, party B shall correct all documents and issue the invoice within five (05) days.

Bước 2: Bên A sẽ kiểm tra và xác nhận hóa đơn nhập bao gồm thuế VAT và chứng từ liên quan trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được từ bên B. Sau khi Bên A kiểm tra, nếu Bên A không phát hiện ra lỗi hay vấn đề gì thì sẽ thông báo cho Bên B để đề xuất hóa đơn trong bảy (07) ngày. Nếu phát hiện bất kỳ lỗi nào trong hóa đơn và chứng từ liên quan, Bên B sẽ sửa lại chứng từ và xuất hóa đơn cho Bên A trong vòng năm (05) ngày.

- Step 3: Party A shall pay Party B the value of the final invoice within fifteen (15) days from the date of receiving the valid payment dossier: Payment request; VAT invoice and supporting documents.

Bước 3: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B với theo giá trị của hóa đơn trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ: Giấy đề nghị thanh toán; Hóa đơn GTGT và các tài liệu liên quan.

ARTICLE 4. RIGHTS AND RESPONSIBILITIES OF PARTIES

ĐIỀU 4. QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1. Rights and responsibilities of Party A / Quyền hạn và trách nhiệm của Bên A

4.1.1. Provide and update information about the estimated time of arrival of the Party A shipment at Port of Vung Ang II and/or any other ports in Vietnam nominated by Party A to Party B.

Cung cấp và cập nhật thông tin về thời gian đến dự kiến của lô hàng của Bên A đến cảng Vũng Áng II và/hoặc các cảng khác ở Việt Nam được chỉ định bởi bên A cho bên B.

4.1.2. Provide necessary information and documents related to Party A's imported coal shipment delivered into Port of Vung Ang II and/or any other ports in Vietnam nominated by Party A to Party B as details listed below:

Cung cấp những thông tin và tài liệu cần thiết cho bên B liên quan đến nhập khẩu than của bên A cho từng chuyến hàng tới Cảng Vũng Áng II và/hoặc các cảng khác ở Việt Nam được chỉ định bởi bên A, như chi tiết dưới đây:

a) Before the Party A's coal imported shipment arrives at Port of Vung Ang II and/or any other ports in Vietnam nominated by Party A, Party A shall provide Party B with the scan version via email:

Trước ngày chuyển hàng của Bên A đến Cảng Vũng Áng II hoặc các cảng khác ở Việt Nam, bên A sẽ cung cấp cho bên B:

- Bill of Lading - one (01) copy
Vận đơn đường biển - một (01) bản sao
- Proforma Invoice - one (01) copy
Hóa đơn tạm tính - một (01) bản sao

- Transporter Proforma Invoice - one (01) copy
Hóa đơn vận chuyển tạm tính - một (01) bản sao.
- Cargo Insurance Certificate (if applicable) - one (01) copy
Chứng nhận bảo hiểm hàng hóa (nếu có) - một (01) bản sao.
- Electronic Certificate of Origin (the “COO”) form D for Indonesia Coal and form AANZ for Australia Coal (if applicable)
Giấy Chứng nhận xuất xứ điện tử mẫu D đối với Than nhập khẩu từ Indonesia và mẫu AANZ đối với Than nhập khẩu từ Úc (nếu có)
- Other documents, if any
Các chứng từ khác, nếu có

b) After the Party A imported shipment arrives at Port of Vung Ang II and/or any other ports in Vietnam nominated by Party A, Party A shall provide Party B:

Sau ngày lô hàng nhập khẩu than của bên A đến Cảng Vũng Áng II hoặc các cảng chỉ định khác bởi bên A, bên A sẽ cung cấp cho bên B:

- Commercial invoice – one (01) copy
Hóa đơn thương mại – một (01) bản sao
- Certificate of Analysis - one (01) copy
Bản phân tích thành phần sản phẩm - một (01) bản sao
- An Amended Cargo Insurance Certificate (if applicable) - one (01) copy
Bản sửa đổi của Chứng nhận bảo hiểm hàng hóa (nếu có) - một (01) bản sao

4.1.3. Communicate and coordinate with Party B for effective operation. Work after office-hours, weekends, and holidays may be required by Party A for urgent cases, without any additional costs being charged to Party A.

Liên lạc và phối hợp với Bên B để vận hành 1 cách hiệu quả. Làm việc ngoài giờ, vào cuối tuần và ngày lễ có thể được yêu cầu bởi Bên A trong các trường hợp cần gấp để Bên A có thể giải phóng hàng hóa, mà không tính thêm bất kỳ chi phí nào cho Bên A.

4.1.4. Make payments to Party B according to the Article 3 of this Contract.

Thanh toán cho Bên B theo như Điều 3 của Hợp đồng

4.1.5. Request Party B to fully perform the work as described in the Article 2 of this Contract. In case the work of Party B does not meet the expected level of services under this Contract, Party A shall request Party B to carry out the work again.

Yêu cầu Bên B thực hiện công việc như Điều 2 của Hợp đồng này. Trong trường hợp Bên B không thỏa mãn chất lượng dịch vụ theo như hợp đồng, Bên A có thể yêu cầu Bên B thực hiện lại công việc.

4.1.6. Request Party B to promptly change its personnel if such employee, as reasonably requested by Party A, performs the work irresponsibly or fails to meet the work requirement.

Với lý do phù hợp từ Bên A, yêu cầu Bên B ngay lập tức thay đổi nhân viên của Bên B nếu nhân viên này không thể thực hiện hoặc hoàn thành công việc một cách phù hợp với yêu cầu của công việc.

4.2. Rights and responsibilities of Party B / Quyền hạn và trách nhiệm của bên B:

4.2.1. Commits to provide to Party A the full Services as stated the Article 2 of this Contract and as requested by Party A.

Cam kết cung cấp cho bên A đầy đủ Dịch vụ như quy định trong Điều 2 của Hợp đồng này và theo yêu cầu của Bên A.

4.2.2. Coordinate with Party A to receive and carefully check all necessary documents under ARTICLE 4.1.2 thereof.

Phối hợp với bên A để nhận và kiểm tra đầy đủ các giấy tờ cần thiết như tại điều 4.1.2 của Hợp đồng này.

4.2.3. Has the responsibility to work with Customs Authorities and Related Authorities to solve all issues related to the performance of the customs clearance of Party A's imported coal under this Contract.

Có trách nhiệm làm việc với Hải quan và Cơ quan chức năng liên quan để giải quyết những vấn đề liên quan đến việc thông quan những lô hàng nhập than của Bên A theo như Hợp đồng này.

4.2.4. Ensure that all coal import procedures of Party A with Related Authorities are completed accurately, timely, and quickly.

Đảm bảo hoàn thành các thủ tục nhập khẩu than của Bên A với các Cơ quan chức năng liên quan một cách chính xác, kịp thời và nhanh chóng.

4.2.5. Arrange professional and trained employees who possess all relevant and required qualifications, practice licenses, certificates, and permits granted and deemed valid and authentic by the applicable competent Authorities in Vietnam to perform its contractual obligations and to carry out works related to this Contract.

Bố trí, sắp xếp các nhân viên chuyên nghiệp đã được đào tạo, những người có đủ bằng cấp, giấy phép, chứng chỉ phù hợp theo đúng yêu cầu và còn hiệu lực được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam để thực hiện các công việc, nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng này.

4.2.6. Complete custom clearance and release cargoes at the soonest time after Party A completes tax payments.

Hoàn thành việc thông quan và giải phóng hàng sớm nhất có thể sau khi Bên A hoàn thành nộp thuế.

ARTICLE 5. FORCE MAJEURE

ĐIỀU 5. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

5.1. Except as provided under Article 5.4 below, neither Party shall be deemed to be in breach of this Contract, or otherwise, be liable or be responsible to the other Party, reason of any delay in performance or non-performance of any of its obligations hereof to the extent that such delay or non-performance result from a Force Majeure Event, provided that the affected Party has performed the obligations in accordance with Article 5.2 and Article 5.3

below. The time for performance of the obligation(s) affected by the Force Majeure Event shall be extended in accordance with the written agreement of the Parties.

Ngoại trừ như được quy định tại Điều 5.4 dưới đây, không Bên nào bị coi là vi phạm Hợp đồng này hoặc bằng cách khác phải chịu trách nhiệm hoặc có nghĩa vụ với Bên kia về bất kỳ chậm trễ nào trong việc thực hiện hoặc việc không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng này trong phạm vi mà việc chậm trễ hoặc không thực hiện đó là kết quả của Sự Kiện Bất Khả Kháng, với điều kiện là Bên bị ảnh hưởng đó đã thực hiện các nghĩa vụ theo Điều 5.2 và Điều 5.3 dưới đây. Thời gian thực hiện (các) nghĩa vụ bị ảnh hưởng do Sự Kiện Bất Khả Kháng đó sẽ được gia hạn phù hợp theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên.

5.2. In the case a Party is affected by the Force Majeure Event, such Party, as soon as possible following the occurrence or date of commencement of such Force Majeure Event, shall notify the other Party in writing of nature, extent, and expected duration of such Force Majeure Event and shall thereafter keep the other Party informed until such time as it is able to perform its obligations.

Trường hợp một Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng thì Bên đó phải, sớm nhất có thể sau khi xảy ra hoặc sau ngày bắt đầu Sự Kiện Bất Khả Kháng đó, thông báo cho Bên kia bằng văn bản về bản chất, phạm vi ảnh hưởng và thời hạn dự kiến của Sự Kiện Bất Khả Kháng đó và sau đó sẽ tiếp tục thông tin cho Bên kia cho đến khi Bên đó có thể thực hiện được nghĩa vụ của mình.

5.3. The Party affected by the Force Majeure Event shall at all times take all appropriate measures and endeavors within its powers in good faith to overcome, eliminate or minimize the adverse effects of such Force Majeure Event on it and this Contract, including to minimize any delay in the performance of this Contract, and shall use all commercially reasonable efforts to resume full performance of its obligations under this Contract.

Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng phải luôn thực hiện tất cả mọi biện pháp và nỗ lực thích hợp trong phạm vi quyền hạn của mình trên tinh thần thiện chí để khắc phục, loại trừ hoặc giảm thiểu những tác động tiêu cực của Sự Kiện Bất Khả Kháng đó đối với

mình và Hợp đồng này, bao gồm giảm đến tối thiểu bất kỳ sự chậm trễ nào trong việc thực hiện Hợp đồng này, và phải sử dụng mọi nỗ lực hợp lý về mặt thương mại để có thể tiếp tục thực hiện đầy đủ sớm nhất những nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này.

5.4. If a Force Majeure Event continues for more than thirty (30) days, the Parties shall meet each other to seek solutions. In case the Force Majeure Event continues for more than two (02) months but cannot be remedied and the Parties have no other arrangement, one of the Parties shall have the right to unilaterally terminate the Contract upon giving a ten (10) days prior notice in writing to the other Party. The notice on termination of the Contract must specify the reason for such termination being the Force Majeure Event resulting in failure to continue performing the Contract. Such termination shall not constitute any breach of this Contract.

Trong trường hợp Sự Kiện Bất Khả Kháng kéo dài liên tục quá ba mươi (30) ngày mà không thể khắc phục, Các Bên sẽ gặp nhau để cùng tìm biện pháp giải quyết. Trường hợp Sự Kiện Bất Khả Kháng kéo dài quá hai (02) tháng mà không thể khắc phục và Các Bên cũng không có thỏa thuận khác thì một trong Các Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau khi đã thông báo cho Bên kia biết trước bằng văn bản ít nhất mười (10) ngày. Thông báo chấm dứt Hợp đồng phải ghi cụ thể nguyên nhân chấm dứt là do sự kiện Bất Khả Kháng dẫn đến việc không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng. Việc chấm dứt Hợp đồng như vậy sẽ không cấu thành bất kỳ sự kiện vi phạm nào đối với Hợp đồng này.

ARTICLE 6. INDEMNIFICATION

ĐIỀU 6. BỒI THƯỜNG

6.1. Party B shall indemnify and hold harmless Party A, Party A's personnel, and their respective employees, directors, officers, and agents, against and from all claims, damages, losses, and expenses (including legal fees and expenses) in respect of:

Bên B sẽ bồi thường và đảm bảo cho Bên A, các nhân viên, người lao động, giám đốc, người quản lý, và đại lý của Bên A, không bị thiệt hại, từ và đối với, tất cả các khiếu nại, khoản bồi thường thiệt hại, tổn thất và chi phí (bao gồm cả phí và chi phí pháp lý) đối với:

6.1.1. Bodily injury, sickness, disease or death, of any person whatsoever arising from Party B's fault in the course of or by reason of the Party B's of this Contract; and

Thương tật cơ thể, ốm đau, bệnh tật hoặc tử vong, của bất kỳ người nào phát sinh do lỗi của Bên B trong quá trình hoặc xuất phát từ việc thực hiện Hợp đồng này của bên B; và

6.1.2. Damage to or loss of any property, real or personal, to the extent that such damage or loss:

Thiệt hại tới hoặc tổn thất đối với tài sản, dù là động sản hay bất động sản, trong phạm vi thiệt hại hoặc tổn thất đó:

a) Arises out of or in the course of or by reason of the Party B performance of this Contract; and

Phát sinh từ hoặc trong quá trình hoặc xuất phát từ việc Bên B thực hiện Hợp đồng này; và

b) Is not attributable to any negligence, wilful act, or breach of the Contract by Party A or any other third party.

Không do bất kỳ sự bất cẩn, hành động cố ý hay vi phạm Hợp đồng này bởi Bên A hoặc bên thứ ba nào khác.

6.2. Customs Declaration Liability/ Trách Nhiệm Khai Báo Hải Quan

6.2.1. Liability for Incorrect Declaration: Party B commits to executing customs declarations accurately and completely. Should Party B incorrectly declare the Harmonized System (HS) Code or any other information related to the customs declaration within the scope of work under this Contract, resulting in penalties imposed on Party A by the competent authorities (including but not limited to Customs Authorities)

immediately or even after the completion of this Contract, Party B shall bear full responsibility for such incorrect declaration.

Trách Nhiệm Khai Báo Sai: Bên B cam kết thực hiện việc khai báo hải quan một cách chính xác và đầy đủ. Nếu Bên B khai sai Mã số hàng hóa (HS Code), hoặc khai sai bất kỳ thông tin nào khác liên quan đến việc khai báo hải quan trong phạm vi công việc của Hợp đồng này, dẫn đến Bên A bị các Cơ quan chức năng (bao gồm nhưng không giới hạn ở Cơ quan Hải quan) xử phạt hành chính ngay lập tức hoặc bị truy cứu trách nhiệm sau khi Hợp đồng này đã hoàn thành, thì Bên B phải chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với việc khai báo sai này.

6.2.2. Indemnification and Penalty Costs: Party B shall be responsible for indemnifying Party A for the full amount of the fine and any other resulting costs, based on the severity and the actual value of the damage incurred at the time the penalty event occurs.

Trách Nhiệm Bồi Thường và Chi Phí Phạt: Bên B có trách nhiệm bồi thường cho Bên A toàn bộ số tiền phạt và các chi phí phát sinh khác dựa trên mức độ và giá trị thiệt hại thực tế tại thời điểm xảy ra sự kiện phạt.

ARTICLE 7. DURATION AND TERMINATION OF THE CONTRACT

ĐIỀU 7. THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

7.1. Contract Duration / Thời hạn hợp đồng:

7.1.1. The duration of the Contract shall be from [xx/xx/2026] to 31/12/2027, unless the Total Contract Value (excluding VAT) is reached prior to this date.

Thời hạn của Hợp đồng là kể từ ngày [xx/xx/2026] đến ngày 31/12/2027, trừ trường hợp Tổng giá trị Hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) đạt được trước thời hạn này.

7.1.2. If the remaining Contracted coal Quantity is less than eighty thousand (80,000) tons, unless otherwise agreed by both Parties, the Contracted coal Quantity will be considered fulfilled by completing Service for one shipment of eighty thousand (80,000) to ninety eight thousand (98,000) tons.

Nếu Khối lượng than Hợp đồng còn lại ít hơn tám mươi ngàn (80.000) tấn, trừ khi hai Bên có thỏa thuận khác, Khối lượng than Hợp đồng được coi là hoàn thành nếu hoàn thành Dịch vụ cho một chuyến hàng có khối lượng từ tám mươi ngàn (80.000) đến chín tám ngàn (98.000) tấn.

7.1.3. Pursuant to Clause 7.1.2, the Total Contract Value (excluding VAT) may be adjusted upward in accordance with the actual quantity of the final shipment, and such adjustment shall form an integral and inseparable part of this Contract.

Do quy định tại Điều 7.1.2, Tổng giá trị Hợp đồng (chưa bao gồm VAT) có thể được điều chỉnh tăng tương ứng theo khối lượng thực tế của chuyến hàng cuối cùng và việc điều chỉnh này được xem là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

7.2. Contract Termination / Chấm dứt hợp đồng:

This Contract will be terminated in the following cases:

Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

7.2.1. By mutual agreement between the Parties.

Theo thỏa thuận giữa Các Bên.

7.2.2. In the event of prolonging Force Majeure Event under Article 5.4 thereof.

Trong trường hợp Sự Kiện Bất Khả Kháng kéo dài theo quy định tại Điều 5.4 của Hợp đồng này.

7.2.3. Party A may terminate this Contract by giving five (05) days' written notice to Party B in the event of non-performance of one or more contractual obligations, works, or schedules as required under Article 2 and Article 4.2 of this Contract.

Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản trước năm (05) ngày cho Bên B trong trường hợp Bên B không thực hiện một hoặc nhiều nghĩa vụ, hạng mục công việc hoặc tiến độ theo quy định tại Điều 2 và Điều 4.2 của Hợp đồng này.

ARTICLE 8. REPRESENTATIONS AND WARRANTIES

ĐIỀU 8. CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM

8.1. Each Party warrants to the other that/ Mỗi Bên bảo đảm với Bên còn lại rằng:

8.1.1. It has the authority to enter into this Contract;

Bên đó có thẩm quyền ký kết Hợp đồng này;

8.1.2. The signatory to this Contract for and on behalf of that Party is authorized and fully empowered to execute this Contract on that Party's behalf;

Người ký Hợp đồng này cho và thay mặt Bên đó đã được ủy quyền và được toàn quyền ký kết Hợp đồng này thay mặt Bên đó.

8.1.3 The entry into and performance of this Contract by that Party will not breach any contractual or other obligation owed by that Party to any other person, any rights of any other person or any other Laws.

Việc tham gia và thực hiện Hợp đồng này bởi Bên đó sẽ không vi phạm bất kỳ nghĩa vụ Hợp đồng hoặc nghĩa vụ nào khác của Bên đó đối với bất kỳ chủ thể nào khác, bất kỳ quyền của bất kỳ chủ thể nào khác hoặc bất kỳ quy định của Pháp luật nào khác;

8.1.4 The entry into and performance of this Contract by that Party require no Governmental or other approvals or, if any such approval is required, it has been obtained; and

Việc tham gia và thực hiện Hợp đồng này của Bên đó không yêu cầu sự chấp thuận nào của Chính phủ hoặc các chấp thuận khác, hoặc nếu cần bất kỳ sự chấp thuận nào như vậy thì Bên đó đã được chấp thuận; và

8.1.5 It will, at all times during the term of this Contract, comply with the terms of this Contract and maintain in force any necessary governmental or other approvals, consents, notifications, registrations, or other legal requirements for the performance by that Party of its obligations under this Contract.

Trong suốt thời hạn của Hợp đồng này Bên đó sẽ luôn tuân thủ các điều khoản của Hợp đồng này và duy trì hiệu lực của bất kỳ chấp thuận, đồng ý, thông báo, đăng ký hoặc bất kỳ yêu cầu luật định khác của chính phủ hoặc chủ thể khác cho việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên đó trong Hợp đồng này.

8.2. Party B further represents, warrants, and undertakes to Party A that Party B and its managers, officers, and employees have strictly complied and shall strictly comply at all times with all applicable laws and regulations on anti-corruption ("Anti-Corruption Laws") and have not been involved in or performed any acts which may be restricted and/or prohibited under the Anti Corruption Laws ("Corrupt Acts") nor have been accused, prosecuted, or convicted, in relation to, or held legally liable for, any Corrupt Acts at any stage for the last ten (10) years.

Thêm vào đó, Bên B cam đoan, bảo đảm và cam kết với bên A rằng Bên B và các người quản lý, nhân viên và người lao động của mình đã tuân thủ Nghiêm ngặt và sẽ luôn tuân thủ nghiêm ngặt tất cả các quy định Pháp luật hiện hành và quy định về chống tham nhũng ("Luật Phòng Chống Tham nhũng") và chưa tham gia hoặc thực hiện bất cứ hành vi nào có thể bị hạn chế và/hoặc bị cấm theo Luật Phòng, Chống Tham nhũng ("Hành vi Tham nhũng") cũng như không bị buộc tội, truy tố hoặc kết án, liên quan đến hoặc chịu trách nhiệm pháp lý về bất kỳ Hành vi Tham nhũng ở bất kỳ giai đoạn trong mười (10) năm qua.

8.3. Party B shall not discuss with, provide information to, or, negotiate with any governmental officers or regulatory body in relation to this Contract without prior written consent from Party A.

Bên B không thảo luận với, cung cấp thông tin cho, hoặc thương thảo với bất kỳ Cán bộ công chức hay cơ quan có thẩm quyền nào của Chính phủ liên quan tới Hợp đồng này mà không có chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A.

ARTICLE 9. CONFIDENTIALITY

ĐIỀU 9. BẢO MẬT

Party B undertakes to Party A that it shall treat as strictly confidential all information received or obtained by it or its employees, officers, agents or advisers as a result of entering into or performing this Contract including information relating to the provisions of this Contract, the negotiations leading up to this Contract, the subject matter of this Contract and the business or affairs of Party A, that it will not at any time after the date of this Contract make use of or disclose or divulge to any person any such information and shall use all its best endeavors to prevent the publication or disclosure of any such information.

Bên B cam kết với Bên A rằng Bên B sẽ giữ bí mật tuyệt đối tất cả các thông tin mà Bên B hoặc người lao động, người quản lý, người đại diện hoặc cố vấn của Bên B nhận được hoặc có được do việc tham gia vào hoặc thực hiện Hợp đồng này, bao gồm cả thông tin liên quan đến các điều khoản của Hợp đồng này, các cuộc đàm phán dẫn đến Hợp đồng này, chủ đề của Hợp đồng này và hoạt động kinh doanh hoặc công việc của Bên A, rằng Bên B sẽ không, vào bất kỳ lúc nào sau ngày Hợp đồng này, sử dụng hoặc tiết lộ hoặc để lộ cho bất kỳ chủ thể nào bất kỳ thông tin nào như vậy và sẽ bằng tất cả những nỗ lực tốt nhất của mình để ngăn chặn việc công bố hoặc tiết lộ bất kỳ thông tin nào như vậy.

ARTICLE 10. NOTICE

ĐIỀU 10. THÔNG BÁO

10.1. Any notice to be given under this Contract to a Party shall be in writing and shall be given at such Party's email or address as specified below (or such other email, address or facsimile number as the addressee has notified by five (05) days' prior written notice to the other Party).

Bất kỳ thông báo nào được đưa ra theo Hợp đồng này gửi tới một Bên phải bằng văn bản và phải được gửi tới email hoặc địa chỉ của Bên đó như được chỉ định dưới đây (hoặc email, địa chỉ hoặc số fax khác mà Bên đó đã thông báo cho Bên còn lại bằng văn bản trước năm (05) ngày làm việc).

10.2. Information for delivery of each Party shall be set out below. In the case where a Party changes its address, such Party shall give notice in writing to the other Party within three

(03) days prior to the change. If no written notice is given, the other Party shall have the right to deliver documents to the old address and it shall be automatically deemed that the other Party has received these documents.

Thông tin liên lạc của mỗi Bên được cụ thể dưới đây. Trong trường hợp một Bên thay đổi địa chỉ, Bên đó phải thông báo bằng văn bản đến Bên còn lại trong vòng ba (03) ngày làm việc trước khi thay đổi. Nếu như không có bất kỳ thông báo thay đổi thông tin liên lạc nào, Bên còn lại có quyền giao tài liệu đến địa chỉ trước đó và Bên còn lại sẽ được tự động coi là đã nhận được các tài liệu đó.

Party A / (Bên A): Vung Ang II Thermal Power LLC / Công ty TNHH Nhiệt Điện Vũng Áng II

Address / Địa chỉ: Vung Ang EZ, Vung Ang ward, Ha Tinh province, Vietnam

Attention / Người nhận: Le Quang Hai

Tel-phone number / Số điện thoại: 0968426209

Email address / Địa chỉ email: hai.le@vapco.com.vn

Party B / (Bên B): XXXXXXXXXXXXXXXX

Address / Địa chỉ: XXXXXXXXXXXXX

Attention / Người nhận: XXXXXXXX

Tel-phone number / Số điện thoại: XXXXXXXX

Email address / Địa chỉ email: XXXXXXXXXXXXX

10.3. Any notice, approval, instruction, demand or other communication so addressed to the relevant Party shall be deemed to have been delivered (i) if given or made by registered mail, three (03) days after posting; (ii) if given by personal delivery, at the time of delivery; and (iii) if given or made by email, on the date of delivery.

Mọi thông báo, chấp thuận, chỉ dẫn, yêu cầu hoặc thông tin liên lạc khác được gửi đến Bên liên quan sẽ được coi là đã được gửi (i) nếu được gửi hoặc thực hiện bằng địa chỉ thư đã đăng ký, ba (03) Ngày Làm Việc sau khi đăng tải; (ii) nếu được giao hàng cá nhân, tại thời điểm giao hàng; và (iii) nếu được gửi hoặc thực hiện qua email, vào ngày giao hàng.

ARTICLE 11. MISCELLANEOUS

ĐIỀU 11. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

11.1. This Contract shall be governed by and construed in accordance with Vietnam Laws. For avoidance of doubt, any reference to “law”, “applicable laws” or “state regulations” in the Contract shall be understood as referring to the Vietnam Laws.

Thỏa thuận này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo Pháp luật Việt Nam. Để tránh hiểu nhầm, mọi tham chiếu đến “luật”, “luật pháp hiện hành” hoặc “quy định nhà nước” trong Hợp đồng sẽ được hiểu là đề cập đến Pháp luật Việt Nam.

11.2. Any communication, exchange of information and documentation and Contract between both Parties shall be considered as their private property and shall be confidential. Any disclosure by a Party must be consented to in advance by the other Party.

Tất cả trao đổi, thông tin, tài liệu, văn bản và thỏa thuận giữa hai bên sẽ được coi là tài sản riêng của các bên và sẽ được các bên lưu giữ một cách cẩn mật và mỗi bên chỉ được tiết lộ ra ngoài khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại.

11.3. Both Parties commit to strictly implement the terms signed in the Contract. Neither Party is allowed to unilaterally amend the terms of the Contract. All amendments and supplements must be mutually agreed and signed by both Parties, and such amendments or supplements shall form an integral part of this Contract.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ký trong Hợp đồng, không Bên nào được đơn phương sửa đổi các điều khoản trong Hợp đồng, mọi sửa đổi và bổ sung phải được hai Bên đồng ý, thống nhất ký và đó được coi như là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

11.4. Any disputes arising between both Parties shall be resolved through negotiation in a spirit of cooperation and mutual benefit, without causing harm to either Party. If both Parties are unable to resolve the dispute through negotiation, the matter shall be referred to the People's Court of Ha Noi City for resolution in accordance with Vietnamese Laws. The costs associated with the dispute resolution shall be borne by the losing Party.

Mọi phát sinh tranh chấp giữa hai bên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và đàm phán trên tinh thần hợp tác và cùng có lợi, không làm tổn hại lẫn nhau. Trường hợp hai bên không tự giải quyết được sẽ thống nhất chuyển vụ việc tới Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết theo quy định của pháp luật, án phí do bên thua kiện chịu.

11.5. The Contract shall come into effect upon signing and shall remain in force until both Parties have fulfilled their obligations as stated herein.

Hợp đồng sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ có hiệu lực cho đến khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ của mình như được nêu trong Hợp đồng này.

11.6. The contract will be automatically liquidated when it expires and/or both parties complete all of their obligations and responsibilities as stipulated in this Contract without requirement of Contract Liquidation Minute.

Hợp đồng sẽ tự động thanh lý khi hết hạn và/hoặc hai bên hoàn thành tất cả các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo quy định tại Hợp đồng này mà không cần Biên bản thanh lý Hợp đồng.

11.7. This Contract is made into two (2) sets of bilingual copies in English and Vietnamese of the same validity, each Party keeps one (1) set. If there is any difference or inconsistency between English and Vietnamese, the English language shall prevail.

Hợp đồng này được lập thành hai (2) bản song ngữ bằng tiếng Anh và tiếng Việt có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một (1) bản. Nếu có bất kỳ sự khác biệt hoặc mâu thuẫn nào giữa tiếng Anh và tiếng Việt thì tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

REPRESENTATIVE OF PART A

ĐẠI DIỆN BÊN A

REPRESENTATIVE OF PART B

ĐẠI DIỆN BÊN B

GO FUKUSHIMA

GENERAL DIRECTOR

XXXXXXXXXXXXXXXXXX

XXXXXXXXXXXXXXXXXX